TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2018/DS - ST Ngày:06-11-2018 V/v: "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung

Ông Phạm Đức Nhân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung– Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2017/TLST-DS ngày 06/10/2017 về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ N, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1953.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Tổ B, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018.

3.3. Bà Trần Thị Hồng P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4.2. Ông Đoàn Văn TH, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông T, bà P có mặt; ông C, ông TH, bà M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2017 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn L do bà T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1988 gia đình bà có nhận chuyển nhượng đất của bà D một phần đất diện tích 11.047,7m^2 thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 22 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Phần đất này gia đình bà đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 530386 ngày 21/9/2015. Trên đất trước đây gia đình bà trồng tràm, sau đó chuyển sang trồng cây điều và cây mì, bà chỉ để lại 01 số cây tràm dọc theo ranh đất.

Quá trình sử dụng đất, để thuận tiện cho việc tưới tiêu gia đình bà có đào một mương nước để dẫn nước từ bàu Phúc Tàu xuống đất của bà, mương nước này nằm trên phần đất của bà và chỉ để gia đình bà sử dụng.

Năm 2005, bà là người trực tiếp trồng tràm trên đất phần đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 22 tại xã Đ, huyện T và chăm sóc cây tràm. Việc bà trồng tràm có bà Phạm Thị M, địa chỉ: Tổ B, Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai là hàng xóm và là người có đất gần nhà bà chứng kiến. Ngoài cây tràm này ra thì bà không trồng cây tràm nào khác.

Năm 2014, ông T có bán cây tràm của bà cho ông Vũ Văn C nhưng đến ngày 13/5/2017 ông C mới cưa cây tràm, khi ông C cùng 01 số người cưa cây tràm của bà, bà có đến ngăn cản nhưng không được, sau đó bà gửi đơn đến Ủy ban nhân nhân xã Đ đề nghị giải quyết nhưng không thành nên bà nộp đơn khởi kiện ông C tại Tòa. Quá trình Tòa làm việc bà xác định ông T là người bán cây tràm của bà cho ông C nên bà rút đơn khởi kiện đối với ông C và khởi kiện lại ông T như hiện nay.

Bà xác định cây tràm là do bà trồng, nằm trên phần đất của bà thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 22 tại xã Đ, huyện T. Ông T cho rằng đất của ông từ ranh hiện trạng đang sử dụng kéo đến sát mép suối giáp ranh đất của bà và ông T xác định cây tràm bà đang tranh chấp là của ông, do ông trồng là không đúng.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu vợ chồng ông T bồi thường giá trị cây tràm là 7.000.000 đồng nhưng trong quá trình tố tụng bà T thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu ông T, bà P bồi thường giá trị cây tràm là 1.900.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

+Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T trình bày:

Diện tích đất 14.612,9 m^2 thuộc các thửa số 167, 168, 173, tờ bản đồ số 16 xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng vào năm 1990 và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 946835 ngày 05/11/2015; số CB 946836 ngày 05/11/2015; số CB 525624 ngày 15/10/2015.

Ranh phân định giữa đất của ông và đất bà T là một con suối có chiều rộng 01m, chiều dài 1.000m, con suối này chảy dọc theo đất của 05 hộ gồm đất của ông H, ông D, bà T, đất của ông và của ông TH rồi tiếp tục đổ về suối lớn. Đó là suối tự nhiên hình thành từ thời gian nào ông không biết, chỉ biết khi ông nhận chuyển nhượng đất đã có suối rồi, bà T cho rằng đó là con mương do gia đình bà tự đào là không đúng.

Để thuận tiện việc đi lại, ông mở một lối đi ngang 02m, dài hết đất trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông như hiện trạng hiện nay. Phía bờ suối bên phần đất của ông, vợ chồng ông có trồng tràm vào khoảng năm 1993, mục đích ông trồng cây tràm này là do thời điểm đó ngay vị trí này có gò mối nên ông trồng để giữ gò mối, ngoài cây tràm này ra ông không trồng cây gì khác. Phía bên kia đường dọc theo ranh đất sử dụng ông có trồng hàng cây bạch đàn.

Vì ông trồng tràm trên đất của ông nên quá trình trồng và chăm sóc tràm thì không có ai chứng kiến. Quá trình làm việc ông có đề nghị triệu tập ông Đoàn Văn TH là người biết việc ông trồng cây tràm để làm chứng cho ông. Nay ông tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông Đoàn Văn TH tại hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết cho ông. Ngoài ra, ông không có tài liệu chứng cứ gì khác để cung cấp cho tòa chứng minh cho việc cây tràm trên do ông trồng.

Ngày 11/12/2014 ông có ký giấy tay bán cây tràm đang tranh chấp nêu trên cho ông Vũ Văn C với giá là 2.000.000 đồng, ông C đã giao đủ tiền cho ông nhưng đến ngày 13/5/2017 ông C mới cưa cây tràm. Khi ông C cưa cây tràm thì không có mặt ông ở đó, ông có biết việc bà T ngăn cản không cho ông C cưa cây nhưng khi ông đến thì ông không thấy bà T nữa, do vậy ông vẫn để ông C cưa cây tràm. Ngoài việc ký giấy bán cây tràm cho ông C vào năm 2014 thì ông không bán tràm cho bất kỳ người nào trước đó.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường cho bà giá trị cây tràm với số tiền 1.900.000 đồng, ông T không đồng ý vì cây tràm ông bán cho ông C là do ông trồng và nằm trên đất của ông. Tuy nhiên, ông không có yêu cầu phản tố hay khởi kiện về việc tranh chấp đất đối với bà T vì việc khởi kiện rất tốn kém.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng P trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Mạnh T, bà hoàn toàn thống nhất với tất cả lời khai tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa của ông Nguyễn Mạnh T. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà không đồng ý.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2017 và các lời khai tiếp theo tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn C trình bày:

Ông với bà T, ông T là hàng xóm với nhau, vào ngày 11/12/2014 ông có mua của ông T 01 cây tràm có chiều cao 4m, đường kính 35cm, tọa lạc tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai với giá 2.000.000 đồng, ông đã giao đủ tiền cho ông T nhưng do chưa có nhu cầu sử dụng nên đến ngày 13/5/2017 ông mới cưa cây tràm trên, việc ông cưa cây bà T có biết nhưng bà không ngăn cản gì mà bà T nộp đơn khởi kiện ông tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, 10 ngày sau UBND xã có mời các bên lên hòa giải nhưng không thành nên bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Long Thành, sau đó bà T đã rút đơn khởi kiện đối với ông.

Nay bà T khởi kiện ông T yêu cầu ông T bồi thường giá trị cây tràm là 1.900.000 đồng, ông C không có ý kiến gì vì việc mua bán cây tràm giữa ông với ông T đã hoàn tất.

Do ông bận công việc nên ông đề nghị tòa giải quyết vắng mặt ông trong tất cả các giai đoạn tố tụng cũng như khi xét xử.

+ Theo bản tự khai ngày 11/10/2018, người làm chứng ông Đoàn Văn TH trình bày: Ông chỉ là hàng xóm và là người có đất giáp ranh với đất của ông T và bà T. Về nguồn gốc cây tràm mà bà T đang tranh chấp thì ông TH khai ông không biết do ai trồng và trồng vào thời gian nào, cũng không thấy ai chăm sóc. Ngoài ra, ông TH không trình bày gì thêm.

Ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như khi xét xử.

+ Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2018, người làm chứng bà Phạm Thị M trình bày: Bà sống cùng Ấp M và là người có đất giáp với đất của bà T, ông T. Năm 2005 bà có phụ bà T đào mương nước để dẫn nước vào đất của bà T như hiện nay. Cùng năm 2005, bà M có chứng kiến việc bà T trồng cây tràm mà bà T đang tranh chấp. Do vậy, bà xác định đây là cây tràm do bà T trồng. Ngoài ra, bà M không trình bày gì thêm. Bà đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như khi xét xử.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Buộc ông T, bà P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T giá trị cây tràm bị thiệt hại là 1.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn C đã được triệu lập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các người làm chứng là ông Đoàn Văn TH và bà Phạm Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C, ông TH và bà M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại đối với cây tràm. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông T- bà P bồi thường giá trị cây tràm là 1.900.000 đồng.

Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành thì xác định cây tràm nguyên đơn tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại nằm trên diện tích đất thửa số 4, tờ bản đồ số 22 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Diện tích đất này, bà T đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 530386 ngày 21/9/2015.

Ông T- bà P cho rằng ông T là người trồng cây tràm và khi trồng thì có ông TH chứng kiến. Tuy nhiên, qua lời trình bày của ông Đoàn Văn TH thể hiện ông TH không biết ai là người trồng cây tràm nêu trên. Phía ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Cây tràm được trồng trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T và có bà Phạm Thị M là người chứng kiến việc bà T trồng tràm. Do đó, xác định cây tràm thuộc quyền sở hữu của bà T là có căn cứ. Ông T là người bán cây tràm cho ông C và ông T – bà P sử dụng số tiền bán cây 2.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông T và bà P bồi thường thiệt hại về cây tràm cho bà T với số tiền là 1.900.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 584, 585, và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông T- bà P phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá số tiền là 5.737.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh T- bà Trần Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 170, 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn Mạnh T về việc: "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Buộc ông Nguyễn Mạnh T và bà Trần Thị Hồng P phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng:

- Ông T – bà P phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá số tiền là 5.737.000đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Bà T đã tạm nộp trong quá trình tố tụng nên thu của ông T, bà P để hoàn trả lại cho bà T.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh T- bà Trần Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006780 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- Các đương sự (5);
-Lưu (3).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo